TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HC-PT
Ngày: 27/03/2026
V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hoà**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Trần Quốc Cường**

***- Thư ký phiên tòa**:* ông **Nguyễn Thành An**, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 262/2025/TLPT- TA ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2025/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có đơn kháng cáo của người khởi kiện. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 647/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1994, trú tại: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lăk); vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997; địa chỉ: 5 Q, phường A, quận G, Tp .. (Nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số I T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E: Ông Bùi Duy H1 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Long Văn M, sinh năm 1995, trú tại: trú tại: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Chỗ ở hiện nay: Số E Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

2. Công ty TNHH MTV L1. Địa chỉ: Số B N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi T – Chức vụ: Giám đốc.

3. Ông Long Văn T1 và bà Dương Thị L; Trú tại: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà*** Hoàng Thị N1 ***và đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Vào tháng 5/2024, bà N1 nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, Huyện E, Tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, bà N1 đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của bà N1 nhưng UBND Huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 đến ngày 03/7/2024, Ủy ban nhân dân Huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024, UBND Xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho bà N1. Bà Hoàng Thị N1 - Người bị thu hồi các thửa đất số 18, 21, 29 tờ bản đồ số 10 thuộc Thôn F, C, E, Đắk Lắk để thi công công trình tái định canh số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hộ gia đình bà N1 theo bố chồng là Long Văn T1 từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào năm 1995 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Bà N1 thuộc diện hộ nghèo vào năm 2014 đến nay, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác.

Các thửa đất số 18, 21, 29 tờ bản đồ số 10 thuộc Thôn F, C, E, Đắk Lắk được gia đình bà N1 cụ thể là ông Long Văn T1 khai phá vào năm 1995 và canh tác ổn định, đến năm 2014 thì cho gia đình bà N1 (việc cho tặng này là do bố cho con nên không được lập bằng văn bản), gia đình bà N1 nhận đất và canh tác ổn định đến

nay. Việc khai phá và sử dụng ổn định có các minh chứng sau: Hộ gia đình bà N1 trồng 39 cây Điều trồng năm 2000, 2 cây điều trồng năm 2002 và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: có những cây điều gia đình bà N1 canh tác rất tốt nên được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng là loại A, cụ thể là 27 cây điều trồng năm 2000 loại A, 2 cây điều 2002 loại A.....(Theo biên bản kiểm đếm ngày 20/6/2024). Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình bà N1 còn được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kì làm chứng. Bà N1 sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình bà N1 là khai hoang vào năm 1995 và sử dụng ổn định đến nay. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình bà N1 theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì:

-Căn cứ vào Khoản 2 Điều 77 Luật đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

- Tại Khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội V, công cộng là: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp"*.

- Tại Điểm c Khoản 2 và Khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định: *"Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại,* công ty N3*, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích dất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại Khoản S Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP"*.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà

ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định "Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất." nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai. Và có một số tài sản trên đất được gia đình bà N1 tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho bà N1. Vì bà N1 không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND Huyện E nên không biết diện tích đất bà N1 bị thu hồi. Ngoài ra, căn cứ vào Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạc sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chính, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của bà N1 cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, bà N1 nhận được Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND Huyện E về việc thu hồi đất; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND Huyện E; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND Huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T2 tại xã C, Huyện E, Tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ bà N1 lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 111.737.110 đồng.

Quyết định số 279, Ủy ban nhân dân huyện E đã thu hồi thửa đất số 29 của người sử dụng đất là Công ty TNHH MTV L1 và xác định người thực tế đang sử dụng (lấn, chiếm) là hộ ông Long Văn T1, bà Dương Thị L là không đúng với thực tế. Và Quyết định số 278, Ủy ban nhân dân huyện E đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 29 cho hộ ông Long Văn T1 cũng không đúng chủ thể, người đang trực tiếp sử dụng đất. Vì ông Long Văn T1, bà Dương Thị L đã tặng cho toàn bộ thửa đất số 29 cho vợ chồng ông M, bà N1. Sau khi ông T1, bà L cho đất thì vợ chồng bà N1 sử dụng thửa đất này cho đến khi bị Nhà nước thu hồi đất.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là

không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N1. Do đó, bà Hoàng Thị N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

-Hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND Huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Hoàng Thị N1.

-Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND Huyện E và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND Huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Hoàng Thị N1.

-Buộc UBND Huyện E phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất; hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ bà Hoàng Thị N1.

**** Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện là*** Ủy ban nhân dân huyện E ***và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:***

- Về nguồn gốc sử dụng đất của khu vực Khu cánh đồng màu thuộc dự án Hồ C *thượng thuộc* thôn D, thôn F, xã C*:*

Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L1 hạng mục điểm tái định cư số 1 – Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m^2.

Nguồn gốc sử dụng của khu đất thực hiện công trình Khu trồng màu thuộc Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường Ea Kar thuê 137.935.686 m^2 đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp *(Tiền thân của* Lâm trường E *là* Xí nghiệp L2 *được thành lập theo Quyết định số 749/QĐ-UB ngày 28/6/1986 của* UBND tỉnh Đ*)*.

- Ý kiến của UBND vã E *đối với việc nguồn gốc, thời diêm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với hộ bà* Hoàng Thị N1*:*

- Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì các thửa đất thu hồi của hộ gia đình bà Hoàng Thị N1 (các thửa đất số 18, 21 mảnh trích đo số 10-2022) đều thuộc thửa đất số 95 tờ bản đồ số DC02 *(Theo Trích lục bản đồ địa chính số 112/TLVPĐKQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2008)* do Công ty TNHH L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường Ea Kar thuê 137.935.686 m^2 đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất

nông nghiệp *(Diện tích trên địa bàn* xã C nay là xã E *là 37.206.758 m^2 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409, thời hạn sử dụng đất từ 15/10/1993 đến 15/10/2043)*.

- Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L1 hạng mục điểm tái định cư số 1 – Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là thôn D, thôn F xã E với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C (nay là xã E) là 2.741.492 m^2. Thông báo thu hồi đất nêu chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH L1.

Theo quy định tại khoản 1, điều 7, Luật đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất; Quy định tại khoản 1, điều 7 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Mục 1, Công văn số 8370/UBND-NNMT ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh thì Công ty TNHH L1 đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp, do đó thời điểm hộ gia đình bà Hoàng Thị N1 lấn, chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lấn, chiếm của Công ty TNHH L1.

Căn cứ Công văn số 54/CV-Cty ngày 07/10/2022 của Công ty TNHH L1 cung cấp UBND xã đã xác nhận hộ gia đình bà Hoàng Thị N1 lấn, chiếm đất Công ty TNHH L1 năm 2008.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*** Công ty TNHH MTV L1 ***trình bày***:

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m^2 đất và cấp giấy CNQSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; Căn cứ giấy chứng nhận quyền sự dụng đất số: AM204409 ngày 18/07/2008 của UBND tỉnh Đ; Căn cứ công văn số: 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2022 về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ C tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ Công văn số 9601/UBND-NNMT ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Đ về việc công tác giải phóng mặt bằng dự án Hồ C trên địa bàn huyện E; Căn cứ công văn số: 43/Cty ngày 23/08/2024 về việc Cung cấp thông tin phục vụ cồng tác bồi thường, GPMB công trình khu Tái định canh số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án Hồ C tại xã C, huyện E.

Về việc hộ gia đình lấn chiếm đất để sản xuất nông nghiệp công ty căn cứ vào các hồ sơ liên quan hiện có tại công ty và quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM204409 ngày 18/07/2008.

Về việc nhắc nhờ, báo cáo sự việc phía công ty chưa thiết lập hồ sơ xử lý và lưu trữ tại công ty phần diện tích này năm 2018 công ty đã rà soát và dự kiến trả

về địa phương quản lý. Công ty đã phối hợp với các ban ngành và UBND xã cư Elang về việc chia sẻ thông tin thửa đất cũng như kết hợp xác minh thời điểm sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của hộ gia đình bà Hoàng Thị N1.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông*** Long Văn T1***, bà*** Dương Thị L ***trình bày:***

Ông Long Văn T1 và bà Dương Thị L là bố mẹ ruột của ông Long Văn M; bà Hoàng Thị N1 là con dâu của ông T1, bà L.

Các thửa đất 18, 21 và 29, tờ bản đồ số 10 tại thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) có nguồn gốc do ông Long Văn T1 khai hoang từ năm 1995. Sau khi khai hoang, ông T1, bà L sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Đến năm 2014, ông T1, bà L tặng cho con trai là Long Văn M và con dâu là Hoàng Thị N1 toàn bộ 03 thửa đất và tài sản trên đất. Hiện nay, bà N1 khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 278, 279 và 461 của Ủy ban nhân dân huyện E thì ông T1 và bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện này. Vì lý do công việc rất bận nên ông T3 và bà L xin vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2025/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

"- Căn cứ khoản 2, 9 Điều 3; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a, b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 64; khoản 2 Điều 66; khoản 1 Điều 67; a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 70; khoản 4 Điều 82; Điều 83; khoản 1 Điều 84; khoản 1 Điều 92 Luật Đất đai 2013

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

- Căn cứ Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai

- Căn cứ điểm a khoản 2; Điểm b khoản 5 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ *ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N1*, đối với các nội dung sau:*

[1.1] Huỷ một phần các Quyết định sau:

+ Hủy một phần Quyết định số Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND Huyện E *về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án* Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *đối với thửa đất số thửa đất số 29, tờ bản đồ số 10 tại* xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk*), trong đó xác định người lấn chiếm, sử dụng đất là hộ bà* Hoàng Thị N1*, ông* Long Văn M *(không phải hộ ông* Long Văn T1*, bà* Dương Thị L*).*

+ Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND Huyện E *về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình Khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án* Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *đối với hộ bà* Hoàng Thị N1.

+ Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND Huyện E *về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án* Hồ C tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk *đối với hộ bà* Hoàng Thị N1.

[1.2] Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E*, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của* Ủy ban nhân dân huyện E*, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại Quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 10 tại* xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk*), trong đó xác định người lấn chiếm, sử dụng đất là hộ bà* Hoàng Thị N1*, ông* Long Văn M*. Và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà* Hoàng Thị N1*, ông* Long Văn M *theo quy định của pháp luật.*

[1.3] Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E*, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện (*Ủy ban nhân dân huyện E*, tỉnh Đắk Lắk) ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà* Hoàng Thị N1*, ông* Long Văn M*, trong đó: Hỗ trợ về đất và hỗ trợ về cây trồng đã tạo lập trên các thửa đất số 18 và 21, tờ bản đồ số 10 tại* xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk*) cho hộ bà* Hoàng Thị N1*, ông* Long Văn M *theo quy định của pháp luật.*

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N1 *đối với các nội dung sau:*

[2.1] Yêu cầu bồi thường về đất và tài sản trên đất khi thu hồi các thửa đất số 18 và 21, tờ bản đồ số 10 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk*).*

[2.2] Yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Hoàng Thị N1*, ông* Long Văn M.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2025, bà Hoàng Thị N1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện theo ủy quyền của bà N1 là ông Phạm Hữu H có đơn xin xét xử vắng mặt, thể hiện ý trí giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Thấy người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc thu hồi đất và Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc trên đất đều của UBND huyện E là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Đối với yêu cầu được bồi thường về đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 18, 21, tờ bản đồ số 10:

Về nguồn gốc các thửa đất: Các thửa đất của hộ bà N1 bị thu hồi gồm: thửa số 18, 21, 29 tờ bản đồ số 10 tại Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Các thửa đất nêu trên đều nằm trong tổng diện tích 137.935.686m^2 đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho Công ty L1 thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008. Công ty L1 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/7/2008.

Quá trình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, bà Hoàng Thị N1 cho rằng những thửa đất này được gia đình ông Long Văn T1 khai phá từ năm 1995 và sử dụng canh tác. Đến năm 2014 thì ông Long Văn T1 đã tặng cho vợ chồng con trai là Long Văn M, Hoàng Thị N1.

Quá trình sử dụng đất thì hộ gia đình ông Long Văn T1, bà Hoàng Thị N1 không đăng ký kê khai trong quá trình Nhà nước quản lý đất đai.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định những thửa đất của hộ gia đình bà Hoàng Thị N1 là lấn, chiếm của Công ty L1.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N1 về việc phải được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất là đúng quy định pháp luật.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông T1 đã tặng cho vợ chồng ông M, bà N1 thửa đất số 29 vào năm 1994, nhưng Ủy ban nhân dân huyện E lại thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của vợ chồng ông Long Văn T1, bà Dương Thị L là không đúng chủ thể nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1 hủy một phần Quyết định số 278, 279, 461.

[5] Đối với yêu cầu được hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất:

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N2 xác định thời điểm sử dụng thửa đất số 18 là vào năm 1998, thửa đất số 29 là năm 2002 và thửa đất đất số 21 là tháng 3/2004

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N1 đối với thửa đất số 18, 21, tờ bản đồ số 10 được hỗ trợ với mức 80%, thửa đất số 29 hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất là đúng quy định tại Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

[6] Đối với yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N1.

[7] Đối với yêu cầu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Do những thửa đất bị thu hồi có nguồn gốc là hộ gia đình bà Hoàng Thị N1 lấn, chiếm từ Công ty L1 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Hoàng Thị N1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm vì thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị N1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2025/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hoàng Thị N1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hoà